

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hương

Bà Nguyễn Kim Lên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân. Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 728/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1982. (Xin vắng)

Địa chỉ: Ấp 8, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Lê Mỹ N, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2020, ông Nguyễn Văn A trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn A và bà Lê Mỹ N tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2002, đến năm 2004 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình Đông. Do nhiều lý do khác nhau, vợ chồng không còn thương yêu nhau và đã ly thân khoảng 03 năm. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông Nguyễn Văn A yêu cầu ly hôn với bà Lê Mỹ N.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn A và bà Lê Mỹ N có 02 con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 06/6/2002, Nguyễn Hữu H, sinh ngày 04/6/2005. Ông Nguyễn Văn A yêu cầu giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của con, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cùng ngày 12/10/2020, ông Nguyễn Văn A có nộp “ĐƠN XIN VẮNG MẶT” yêu cầu không tổ chức hòa giải và xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn A.

Đối với bà Lê Mỹ N, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo, triệu tập hợp lệ đến Tòa án để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xét xử vụ án nhưng bà Lê Mỹ N vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A và đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho ông Nguyễn Văn A được ly hôn với bà Lê Mỹ N, cháu Nguyễn Thành N đã thành niên, giao cháu Nguyễn Hữu H cho bà N nuôi dạy, ông Nguyễn Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn A và bà Lê Mỹ N là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn là bà Lê Mỹ N có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời nên ông Nguyễn Văn A khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của bà Lê Mỹ N, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập để giải quyết vụ án nhưng bà Lê Mỹ N vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Mỹ N theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của ông Nguyễn Văn A, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn A theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn A và bà Lê Mỹ N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002, đến năm 2004 có đăng ký kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn A cho rằng do nhiều lý do khác nhau, vợ chồng không còn thương yêu nhau và đã ly thân khoảng 03 năm. Bà Lê Mỹ N

biết được yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A nhưng không có ý kiến thể hiện nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân cùng ông Nguyễn Văn A. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, mối quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn A và bà Lê Mỹ N không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Văn A ly hôn với bà Lê Mỹ N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 06/6/2002, đã thành niên; cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 04/6/2005, hiện đang do bà Lê Mỹ N nuôi dạy. Ông Nguyễn Văn A yêu cầu giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của con. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 20/11/2020, cháu Nguyễn Hữu H thể hiện nguyện vọng được chung sống cùng bà Lê Mỹ N. Yêu cầu của ông Nguyễn Văn A và nguyện vọng của cháu H phù hợp với quy định của pháp luật, do đó giao Nguyễn Hữu H cho bà Lê Mỹ N nuôi dạy là phù hợp.

Bà Lê Mỹ N không yêu cầu ông Nguyễn Văn A cấp dưỡng nuôi con nên không buộc trách nhiệm cấp dưỡng đối với ông Nguyễn Văn A là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn A về việc ly hôn với bà Lê Mỹ N.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 06/6/2002, đã thành niên. Giao cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 04/6/2005 cho bà Lê Mỹ N nuôi dạy. Ông Nguyễn Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Văn A không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng. Ngày 19 tháng 10 năm 2020, ông Nguyễn Văn A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0004160 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Văn A, bà Lê Mỹ N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- UBND xã Khánh Bình Đông (Nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Bùi Thị Huệ